

Bản án số: **01/2020/DS-ST**
Ngày: 13/02/2020
V/v “*Tranh chấp chia thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Trương Thị Mỹ Lệ**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Khánh**
2. Ông **Phạm Quốc Thân**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Hải** – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng** – Kiểm sát viên

Vào ngày 13/02/2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-DS ngày 14/01/2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà **Điền Thị X**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: số X/Y, tổ Z, ấp M, xã N, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. **Bi đơn**: Anh **Vương Thế L**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: số X/Y, tổ Z, ấp M, xã N, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

- Cụ **Vương Văn L**, sinh năm 1939 và cụ **Hoàng Thị C**, sinh năm 1941

Địa chỉ: số X đường Y, khu phố Z, phường M, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Phạm Thị Ch**, sinh năm 1968

- Chị **Vương Thị Th**, sinh năm 1992

Địa chỉ: số X/Y, tổ Z, ấp M, xã N, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Cụ C vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2018, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà **Điền Thị X** trình bày:

Bà và ông Vương Văn T đăng ký kết hôn ngày 11/6/2012 tại UBND xã Bảo Quang, ông bà không có con chung, ông T chết ngày 24/6/2017, không để lại di chúc. Thời điểm ông T chết thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T còn sống gồm: cha mẹ ruột là cụ Vương Văn L và cụ Hoàng Thị C, vợ hợp pháp bà Điền Thị X, con ruột Vương Thế L và Vương Thị Th.

Di sản của ông T là diện tích đất thuộc các thửa 76, 09 tờ 03 xã X, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Vương Văn T và bà Phạm Thị Ch, căn nhà và toàn bộ cây trồng trên đất. Đây là tài sản ông T được chia khi ly hôn theo bản án số 153 ngày 25/6/2010 của Tòa án Long Khánh.

Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T theo quy định pháp luật, bà nhận thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất 1.608 m² thuộc thửa 76 tờ 03 xã X cùng căn nhà và cây trồng trên phần đất được chia (là phần đất được giới hạn bởi các điểm 1-8-7-a-1 tại bản vẽ số 4754/2019 của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh), bà đồng ý thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo kết quả định giá tài sản (đối với tài sản là đất).

Riêng căn nhà gạch xây trên đất bà xin được toàn quyền sở hữu, không thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế vì khi ông T bị bệnh thì bà đã bỏ công sức, tiền bạc chăm sóc cho đến ngày ông chết.

Chứng cứ: tự khai; CMND, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng tử, giấy đăng ký kết hôn, bản án số 153 ngày 25/6/2010 về việc ly hôn.

- Tại bản khai ngày 04/01/2019 các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Vương Thế L trình bày

Anh thống nhất với lời trình bày của bà X về thời điểm mở thừa kế, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và di sản thừa kế. Tuy nhiên anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đây là tài sản của cha mẹ ruột anh tạo dựng nên, anh đề nghị chia cho anh và chị Th toàn bộ di sản của ông T. Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật thì phải dành riêng một phần di sản để sử dụng vào việc thờ cúng ông T và đề nghị giao phần này cho chị Th quản lý sử dụng

Chứng cứ: bản tự khai, CMND, sổ hộ khẩu (bản photo).

- Tại bản khai ngày 25/12/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Vương Văn L và cụ Hoàng Thị C trình bày

Hai cụ là cha mẹ ruột của ông Vương Văn T, ông T chết năm 2017 không để lại di chúc. Nay hai cụ đề nghị chia di sản thừa kế của ông T theo pháp luật, đồng ý cho bà X được nhận thừa kế là đất và thanh toán lại cho hai cụ giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Chứng cứ: bản tự khai, CMND, sổ hộ khẩu, đơn xin vắng mặt.

- Tại bản tự khai ngày 03/01/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ch trình bày

Đất tại thửa 76, 09 tờ 03 xã X là tài sản ông Vương Văn T được chia khi ông và bà ly hôn vào năm 2010. Bà và ông T thỏa thuận tài sản của ông T chỉ để lại cho con là Th và L nên để giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của ông T và bà. Bà không đồng ý việc bà X yêu cầu chia di sản thừa kế là đất thửa 76, 09 tờ 03

xã X. Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật thì phải dành riêng một phần đất để sử dụng vào việc thờ cúng ông T và đề nghị giao phần này cho chị Th quản lý sử dụng

Chứng cứ: bản tự khai, CMND, sổ hộ khẩu, hồ sơ đăng ký cấp quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận QSD đất thừa 75 tờ 03 xã X.

- **Tại bản tự khai ngày 03/01/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm** người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vương Thị Th thống nhất với ý kiến, yêu cầu của anh Vương Thế L.

Chứng cứ: bản tự khai, CMND, sổ hộ khẩu, đơn xin vắng mặt.

- **Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:** không có

- **Ý kiến của kiểm sát viên:**

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS, tuy nhiên còn chậm đưa vụ án ra xét xử vì nguyên nhân khách quan.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, riêng chị Th vắng mặt tại các lần đo đạc định giá tài sản.

+ Về nội dung vụ án:

Di sản thừa kế là đất và tài sản trên đất tại thửa 76, 09 tờ 03 xã X, chia theo pháp luật cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà X, cụ L, cụ C và anh L, chị Th. Mỗi người được chia 605,8m² đất, giao cho bà X và chị Th nhận thừa kế bằng đất theo diện tích đã được tạm tính chia tách tại bản vẽ, bà X và chị Th có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho anh L, cụ C, cụ L bằng tiền.

Về căn nhà: ưu tiên cho bà X nhận và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế.

- **Tại phiên tòa:** anh L và chị Th thống nhất yêu cầu Tòa án để một phần tương đương 1/6 giá trị tài sản thừa kế để dùng vào việc thờ cúng và giao cho chị Th quản lý. Anh L đồng ý giao cho chị Th nhận toàn bộ hiện vật là di sản thừa kế, chị Th thanh toán cho anh giá trị thừa kế bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Bà X khởi kiện anh L yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vương Văn T, căn cứ khoản 5 điều 26 và điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ kiện “Tranh chấp chia thừa kế” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Long Khánh.

[2] Tư cách tham gia tố tụng: bà X có đơn khởi kiện anh L nên bà là nguyên đơn, anh L là bị đơn trong vụ án. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T là cụ Vương Văn L, cụ Hoàng Thị C, chị Vương Thị Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà Phạm thị Ch đã ly hôn với ông T vào

năm 2010, đã phân chia tài sản chung nhưng vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chia cho ông T nên xác định bà Ch là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Căn cứ vào bản án số 153/2010/HNGĐ-ST ngày 25/6/2010 thì thấy khi ly hôn ông T được chia tài sản là diện tích đất 3.016 m² thuộc thửa 02, 09 tờ bản đồ số 03 xã X. Sau khi làm thủ tục tách thửa thì hiện là thửa 76, 09 tờ 03 xã X và ông T đã cất nhà trên phần đất được chia, làm hàng rào, canh tác sử dụng đất cho đến khi chết.

Bà Ch cho rằng bà và ông T thỏa thuận ông bà đứng tên chung trên giấy chứng nhận để sau này cho L, Th quyền sử dụng đất là không cơ sở vì không có chứng cứ nào thể hiện sự thỏa thuận này, không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng của ông T sẽ giao đất tại thửa 76, 09 lại cho anh L, chị Th.

Như vậy đất tại thửa 76, 09 tờ 03 xã X cùng tài sản trên đất được xác định là di sản thừa kế của ông Vương Văn T, năm 2017 ông T chết không có di chúc, không có nghĩa vụ về tài sản nên toàn bộ di sản của ông được chia thừa kế theo pháp luật.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 17/12/2019, Hội đồng định giá xác định giá trị đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 300.000.000 đồng/1.000m² (300.000 đồng/m²); căn nhà trên đất trị giá 36.754.935 đồng.

[4] Tại thời điểm mở thừa kế, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm có cụ C và cụ L, bà X, anh L và chị Th – là cha mẹ ruột, vợ và con ruột của ông T. Ông T không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con riêng, không có người nào thuộc hàng thừa kế thứ nhất chết trước ông T. Như vậy cụ C và cụ L, bà X, anh L và chị Th, mỗi người được hưởng một phần di sản bằng nhau.

[5] Bà X cho rằng trong thời gian ông T bị bệnh bà là người bỏ công sức, tiền bạc chăm sóc ông T nên đề nghị được hưởng toàn bộ di sản là căn nhà của ông T. Xét yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ bà là vợ thì phải có nghĩa vụ chăm sóc ông T, không thể tính toán công sức này vào phần di sản được thừa kế.

[6] Anh L, chị Th yêu cầu để một phần di sản thừa kế dùng vào việc thờ cúng ông T, xét thấy ông T chết không để lại di chúc, không chỉ định việc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự nên không chấp nhận yêu cầu này.

[7] Từ khi kết hôn và khi ông T chết cho đến nay, bà X là người quản lý, sử dụng căn nhà trên thửa 76 tờ 03, ngoài căn nhà này bà không còn nơi ở khác nên ưu tiên chia cho bà căn nhà trên thửa 76 tờ 03, bà X phải thanh toán cho mỗi đồng thừa kế 1/5 giá trị căn nhà là 7.350.987 đồng.

Thửa 76 tờ 03 có diện tích 2.711m², thửa 09 tờ 03 có diện tích 318m², tổng diện tích là 3.029m², mỗi người được hưởng 608,5m² đất. Do đất không đủ diện tích tách 05 phần bằng hiện vật nên Tòa án xác định trong các đồng thừa kế sẽ có người nhận hiện vật và thanh toán tiền cho những người còn lại, khi chia đất có xem xét đến quyền lợi của các đồng thừa kế, khả năng thanh toán của người nhận đất để xác định người nào nhận hiện vật, người nào nhận tiền. Việc chia tách

đất phải phù hợp với quy định của pháp luật về hạn mức tách thửa, đảm bảo tính giá trị của đất sau khi chia tách.

Bà X có nhu cầu sử dụng đất, yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật do hiện bà không có chỗ ở khác, không có đất canh tác, cụ L và cụ C đồng ý cho bà X được nhận di sản thừa kế là đất nên chia cho bà X phần đất có căn nhà thuộc thửa 76 tờ 03, diện tích 1.608 m² tương đương với 03 kỷ phần thừa kế (thể hiện trên bản vẽ số 4754/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh là phần đất giới hạn bởi các điểm 1-8-7-a-1). Bà X thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho cụ L và cụ C, cụ thể thanh toán cho cụ L giá trị của 501,1 m² đất là 150.330.000 đồng; thanh toán cho cụ C giá trị của 501,1 m² đất là 150.330.000 đồng.

Anh L và chị Th thống nhất chị Th được nhận di sản thừa kế là đất nên chia cho chị Th phần còn lại của thửa 76 tờ 03 có diện tích 1.103m² (thể hiện trên bản vẽ số 4754/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh là phần đất giới hạn bởi các điểm a-2-3-4-5-1-7-a) và trọn thửa 09 tờ 03 diện tích 318m². Chị Th thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho anh L và cụ L, cụ C, cụ thể thanh toán cho cụ L giá trị của 104,7m² đất là 31.410.000 đồng, thanh toán cho cụ C giá trị của 104,7m² đất là 31.410.000 đồng, thanh toán cho anh L giá trị của 605,8m² đất là 181.740.000 đồng.

[8] Về chi phí tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, bà X đã tạm ứng chi phí tố tụng đo đạc đất, định giá tài sản với tổng số tiền 6.050.000 đồng, bà yêu cầu những người được chia di sản thừa kế phải thanh toán lại cho bà (trừ cụ C và cụ L vì hai cụ tuổi cao, không có thu nhập) là phù hợp nên chấp nhận. Buộc anh L và chị Th, mỗi người hoàn trả cho bà X 1/5 tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.210.000 đồng.

[9] Về án phí: miễn án phí DSST cho cụ L và cụ C do hai cụ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Bà X, anh L, chị Th mỗi người phải chịu 9.454.549,35 đồng tiền án phí DSST (189.090.987 x 5%).

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 31 Luận HNGĐ năm 2000; Điều 611, 613, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Điền Thị X.

- Di sản thừa kế của ông Vương Văn T là đất thuộc thửa 76 và 09 tờ 03 xã X, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Vương Văn T bà Phạm Thị Ch cùng căn nhà và cây trồng trên đất.

Di sản thừa kế của ông Vương Văn T được chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Vương Văn L, cụ Hoàng Thị C, bà Điền Thị X, anh Vương Thế L và chị Vương Thị Th.

- Chia cho bà Điền Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 1.608m² thuộc thửa 76 tờ 03 xã X và quyền sở hữu căn nhà cùng toàn bộ cây trồng trên phần đất được chia (thể hiện trên bản vẽ số 4754/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh là phần đất giới hạn bởi các điểm 1-8-7-a-1).

Bà Điền Thị X thanh toán cho cụ Vương Văn L số tiền 157.680.987 đồng; thanh toán cho cụ Hoàng Thị C số tiền 157.680.987 đồng; thanh toán cho anh Vương Thế L số tiền 7.350.987 đồng; thanh toán cho chị Vương Thị Th số tiền 7.350.987 đồng.

- Chia cho chị Vương Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 1.103m² thuộc thửa 76 tờ 03 xã X và diện tích 318m² đất thuộc thửa 09 tờ 03 xã X cùng toàn bộ cây trồng trên phần đất được chia (thể hiện trên bản vẽ số 4754/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Khánh là phần đất giới hạn bởi các điểm a-2-3-4-5-1-7-a)

Chị Vương Thị Th thanh toán cho cụ Vương Văn L số tiền 31.410.000 đồng; thanh toán cho cụ Hoàng Thị C số tiền 31.410.000 đồng; thanh toán cho anh Vương Thế L số tiền 181.740.000 đồng.

- Các đương sự có nghĩa vụ tự liên hệ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đối với tài sản được chia thừa kế.

- Anh Vương Thế L và chị Vương Thị Th, mỗi người hoàn trả cho bà Điền Thị X 1.210.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi án có hiệu lực pháp luật), hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Vương Văn L và cụ Hoàng Thị C.

Bà Điền Thị X, anh Vương Thế L và chị Vương Thị Th, mỗi người phải chịu 9.454.549,35 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Long Khánh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- Lưu án văn ;
- Hồ sơ vụ án.

Trương Thị Mỹ Lệ